

TIME \ DAY	DAY 1	DAY 2	DAY 3	DAY 4	DAY 5	DAY 6
8:00 - 8:25	<i>Morning Assembly / Class Teacher Period</i>					
8:25 - 8:55	Oral (a/b) (208 / 206)	Geog	Chin	Chin	Eng (a/b/c) (208/207/205)	D&T / T&L (D&T / HE Rm)
8:55 - 9:25	Oral (a/b) (208 / 206)	Geog	Chin	Chin	Eng (a/b/c) (208/207/205)	D&T / T&L (D&T / HE Rm)
9:45 - 10:15	P.E.	Eng (a/b/c) (208/207/110)	Eng (a/b/c) (208/207/305)	Math	Math	Eng*
10:15 - 10:45	P.E.	Eng (a/b/c) (208/207/110)	Pth	Math	Math	Eng*
10:55 - 11:25	Phy (Phy Lab)	L&S	V.Art (Art Rm)	Eng (a/b/c) (208/207/304)	L&S	C.L.(a/b) (MMLC)
11:25 - 11:55	Phy (Phy Lab)	L&S	V.Art (Art Rm)	Eng (a/b/c) (208/207/304)	L&S	C.L.(a/b) (MMLC)
12:05 - 12:35	Math	Chin	Math	Music (Music Rm)	Chin	Math
12:35 - 13:05	Chin	Chem (Chem Lab)	Math	Music (Music Rm)	Bio (Bio Lab)	Phy (Phy Lab)
13:05 - 13:35 (Day 1) 14:30 - 15:00 (Day 2-6)	Chin	Bio (Bio Lab)	CHist	Chem (Chem Lab)	Hist	Chin*
15:00 - 15:30	S.A.	Bio (Bio Lab)	CHist	Chem (Chem Lab)	Hist	Chin
15:30 - 16:00	S.A.	Chem (Chem Lab)			Bio (Bio Lab)	Phy (Phy Lab)

Bio : TKC  
 C.L. : TKL / TG  
 CHist : LFT  
 Chem : CP  
 Chin : CG  
 D&T : KMK  
 Eng : YLW / CSL / LSY  
 Geog : HKC  
 Hist : CS  
 L&S : CWC  
 Math : CKS  
 Music : CC  
 Oral : HSY / TJ  
 P.E. : LSK / CSM  
 Phy : LCT  
 Pth : YWY  
 T&L : CLD  
 V.Art : TWH  
 ACT : KMK  
 S.A. : CG

— Recess / Intermission

~~~~~ Lunch Time

| TIME \ DAY                                       | DAY 1                                          | DAY 2                        | DAY 3                        | DAY 4                        | DAY 5                        | DAY 6               |
|--------------------------------------------------|------------------------------------------------|------------------------------|------------------------------|------------------------------|------------------------------|---------------------|
| 8:00 - 8:25                                      | <i>Morning Assembly / Class Teacher Period</i> |                              |                              |                              |                              |                     |
| 8:25 - 8:55                                      | Chin                                           | Hist                         | Chin                         | V.Art<br>(Art Rm)            | Eng (a/b/c)<br>(208/207/205) | Math                |
| 8:55 - 9:25                                      | Chin                                           | Hist                         | Chin                         | V.Art<br>(Art Rm)            | Eng (a/b/c)<br>(208/207/205) | Math                |
| 9:45 - 10:15                                     | P.E.                                           | Eng (a/b/c)<br>(208/207/110) | Eng (a/b/c)<br>(208/207/305) | Math                         | Phy<br>(Phy Lab)             | Eng*                |
| 10:15 - 10:45                                    | P.E.                                           | Eng (a/b/c)<br>(208/207/110) | Math                         | Math                         | Phy<br>(Phy Lab)             | Eng*                |
| 10:55 - 11:25                                    | C.L.(a/b)<br>(MMLC)                            | L&S                          | Oral (a/b)<br>(207 / 208)    | Eng (a/b/c)<br>(208/207/304) | D&T / T&L<br>(D&T / HE Rm)   | Chem<br>(Chem Lab)  |
| 11:25 - 11:55                                    | C.L.(a/b)<br>(MMLC)                            | L&S                          | Oral (a/b)<br>(207 / 208)    | Eng (a/b/c)<br>(208/207/304) | D&T / T&L<br>(D&T / HE Rm)   | Chem<br>(Chem Lab)  |
| 12:05 - 12:35                                    | Math                                           | Chin                         | Pth                          | CHist                        | Chin                         | Music<br>(Music Rm) |
| 12:35 - 13:05                                    | Bio<br>(Bio Lab)                               | Phy<br>(Phy Lab)             | Bio<br>(Bio Lab)             | CHist                        | Chem<br>(Chem Lab)           | Music<br>(Music Rm) |
| 13:05 - 13:35 (Day 1)<br>14:30 - 15:00 (Day 2-6) | Bio<br>(Bio Lab)                               | Math                         | Geog                         | Chin                         | L&S                          | Chin*               |
| 15:00 - 15:30                                    | S.A.                                           | Math                         | Geog                         | Chin                         | L&S                          | Chin*               |
| 15:30 - 16:00                                    | S.A.                                           | Phy<br>(Phy Lab)             | Bio<br>(Bio Lab)             |                              | Chem<br>(Chem Lab)           |                     |

Bio : LMY  
 C.L. : TKL / TG  
 CHist : LFT  
 Chem : CP  
 Chin : MB  
 D&T : KMK  
 Eng : YLW / CSL / LSY / TJ  
 Geog : HKC  
 Hist : CS  
 L&S : FCM  
 Math : CSF  
 Music : CC  
 Oral : CLD / TJ  
 P.E. : LSK / CSM  
 Phy : TKT  
 Pth : YWY  
 T&L : CLD  
 V.Art : YDY  
 ACT : TKT  
 S.A. : YLW

— Recess / Intermission

~~~~~ Lunch Time

| TIME \ DAY                                       | DAY 1  | DAY 2                     | DAY 3                     | DAY 4                     | DAY 5               | DAY 6                      |
|--|--|---------------------------|---------------------------|---------------------------|---------------------|----------------------------|
| 8:00 - 8:25                                      | <i>Morning Assembly / Class Teacher Period</i> |                           |                           |                           |                     |                            |
| 8:25 - 8:55                                      | V.Art<br>(Art Rm)                              | Eng                       | Music<br>(Music Rm)       | Chin                      | Chin                | Math (a/b)<br>(205 / 206)  |
| 8:55 - 9:25                                      | V.Art<br>(Art Rm)                              | Eng                       | Music<br>(Music Rm)       | Chin                      | Chin                | Math (a/b)<br>(205 / 206)  |
| 9:45 - 10:15                                     | Geog   | CHist                     | Math (a/b)<br>(205 / 206) | P.E.                      | Bio<br>(Bio Lab)    | Eng*                       |
| 10:15 - 10:45                                    | Geog   | CHist                     | Math (a/b)<br>(205 / 206) | P.E.                      | Bio<br>(Bio Lab)    | Eng*                       |
| 10:55 - 11:25                                    | Chem<br>(Chem Lab)                             | Chin                      | Phy<br>(Phy Lab)          | Math (a/b)<br>(205 / 206) | C.L.(a/b)<br>(MMLC) | L&S                        |
| 11:25 - 11:55                                    | Chem<br>(Chem Lab)                             | Chin                      | Phy<br>(Phy Lab)          | Math (a/b)<br>(205 / 206) | C.L.(a/b)<br>(MMLC) | L&S                        |
| 12:05 - 12:35                                    | Eng  | Math (a/b)<br>(205 / 206) | Chin                      | Eng                       | Pth                 | D&T / T&L<br>(D&T / HE Rm) |
| 12:35 - 13:05                                    | Eng  | Math (a/b)<br>(205 / 206) | Bio<br>(IS Lab)           | Chem<br>(Chem Lab)        | Phy<br>(Phy Lab)    | D&T / T&L<br>(D&T / HE Rm) |
| 13:05 - 13:35 (Day 1)<br>14:30 - 15:00 (Day 2-6) | Chin   | Hist                      | Oral (a/b)<br>(206 / 110) | L&S                       | Eng                 | Chin*                      |
| 15:00 - 15:30                                    | S.A.   | Hist                      | Oral (a/b)<br>(206 / 110) | L&S                       | Eng                 | Chin*                      |
| 15:30 - 16:00                                    | S.A.   | Math (a/b)<br>(205 / 206) | Bio<br>(IS Lab)           | Chem<br>(Chem Lab)        | Phy<br>(Phy Lab)    |                            |

Bio : TKC  
 C.L. : TKL / TG  
 CHist : LFT  
 Chem : CP  
 Chin : LLY  
 D&T : KMK  
 Eng : TJ / CSL  
 Geog : HKC  
 Hist : CS  
 L&S : FCM  
 Math : CKS / TYK  
 Music : CC  
 Oral : HSY / TJ  
 P.E. : LSK / CSM  
 Phy : TKT  
 Pth : YWY  
 T&L : CLD  
 V.Art : YDY  
 ACT : TJ  
 S.A. : FCM

— Recess / Intermission      Lunch Time

| TIME \ DAY                                       | DAY 1  | DAY 2                     | DAY 3                     | DAY 4                     | DAY 5                      | DAY 6                     |
|--|--|---------------------------|---------------------------|---------------------------|----------------------------|---------------------------|
| 8:00 - 8:25                                      | <i>Morning Assembly / Class Teacher Period</i> |                           |                           |                           |                            |                           |
| 8:25 - 8:55                                      | Eng  | Chin                      | Eng                       | Eng                       | D&T / T&L<br>(D&T / HE Rm) | Math (a/b)<br>(205 / 206) |
| 8:55 - 9:25                                      | Eng  | Chin                      | Eng                       | Eng                       | D&T / T&L<br>(D&T / HE Rm) | Math (a/b)<br>(205 / 206) |
| 9:45 - 10:15                                     | Music<br>(Music Rm)                            | Oral (a/b)<br>(205 / 204) | Math (a/b)<br>(205 / 206) | P.E.                      | CHist                      | Eng*                      |
| 10:15 - 10:45                                    | Music<br>(Music Rm)                            | Oral (a/b)<br>(205 / 204) | Math (a/b)<br>(205 / 206) | P.E.                      | CHist                      | Eng*                      |
| 10:55 - 11:25                                    | Bio<br>(Bio Lab)                               | Geog                      | Chem<br>(Chem Lab)        | Math (a/b)<br>(205 / 206) | Phy<br>(Phy Lab)           | L&S                       |
| 11:25 - 11:55                                    | Bio<br>(Bio Lab)                               | Geog                      | Chem<br>(Chem Lab)        | Math (a/b)<br>(205 / 206) | Phy<br>(Phy Lab)           | L&S                       |
| 12:05 - 12:35                                    | Hist   | Math (a/b)<br>(205 / 206) | Chin                      | Chin                      | Eng                        | Pth                       |
| 12:35 - 13:05                                    | Hist   | Math (a/b)<br>(205 / 206) | Phy<br>(Phy Lab)          | Chin                      | Bio                        | Chem<br>(Chem Lab)        |
| 13:05 - 13:35 (Day 1)<br>14:30 - 15:00 (Day 2-6) | Chin   | C.L.(a/b)<br>(MMLC)       | V.Art<br>(Art Rm)         | L&S                       | Chin                       | Chin*                     |
| 15:00 - 15:30                                    | S.A.   | C.L.(a/b)<br>(MMLC)       | V.Art<br>(Art Rm)         | L&S                       | Chin                       | Chin*                     |
| 15:30 - 16:00                                    | S.A.   | Math (a/b)<br>(205 / 206) | Phy<br>(Phy Lab)          |                           | Bio                        | Chem<br>(Chem Lab)        |

Bio : LMY  
 C.L. : TKL / TG  
 CHist : LFT  
 Chem : CP  
 Chin : LMC  
 D&T : KMK  
 Eng : CSL  
 Geog : HKC  
 Hist : CS  
 L&S : CCP  
 Math : CKS / TYK  
 Music : CC  
 Oral : CLD / TJ  
 P.E. : LSK / CSM  
 Phy : LCT  
 Pth : YWY  
 T&L : CLD  
 V.Art : YDY  
 ACT : CLD  
 S.A. : CP

 Recess / Intermission    
  Lunch Time

**葵涌蘇浙公學**  
**網上課堂會議編號**

同學必須參照時間表內老師姓名對應下方的會議編號，按時輸入會議編號及密碼進入課室。每位老師使用的視像教學軟件及會議 ID 如下：

| 老師姓名              | 老師簡稱 | 使用軟件 | Zoom PMI/<br>Meet ID |
|-------------------|------|------|----------------------|
| 查欣珍               | CU   | Zoom | 2836324572           |
| 陳嘉文               | CC   | Zoom | 2356828127           |
| 陳家威               | CG   | Zoom | 7894078821           |
| 陳劍威               | CJ   | Zoom | 2430349223           |
| 陳淑芬               | CS   | Zoom | 3863852897           |
| 陳淑芳               | CSF  | Zoom | 3244407428           |
| 陳耀潔               | CL   | Zoom | 4177042790           |
| 陳秦宇               | CLD  | Zoom | 9856345661           |
| 鄭佩玉               | CP   | Zoom | 6199051674           |
| 張慧姿               | CWC  | Zoom | 8370483919           |
| 張雪敏               | CSM  | Zoom | 5730504505           |
| 莊兆良               | CSL  | Zoom | 4110476251           |
| 周潔心               | CKS  | Zoom | 8191613467           |
| 徐家英               | CA   | Zoom | 4706385629           |
| 鍾朝彬               | CCP  | Zoom | 7192371763           |
| 傅昭明               | FCM  | Zoom | 7384044109           |
| 何聰慧               | HCW  | Zoom | 4623150208           |
| 侯敏慧               | HMW  | Zoom | 3048502426           |
| 何秀玲               | HSL  | Zoom | 5815716061           |
| 韓紀政               | HKC  | Zoom | 7866036328           |
| 夏麗佳               | HLK  | Zoom | 8508105084           |
| 何思瑤               | HSY  | Zoom | 7499338833           |
| 鄺文傑               | KMK  | Zoom | 4928791514           |
| 江舒若               | KSY  | Zoom | 9372816211           |
| 李俊廷               | LCT  | Zoom | 2385954183           |
| 林鳳婷               | LFT  | Zoom | 2634062769           |
| 林麗華               | LLW  | Zoom | 8043409699           |
| 林少珠               | LSC  | Zoom | 2070779062           |
| 林小慧               | LSW  | Zoom | 3066671703           |
| 林華嫻               | LWS  | Zoom | 3713178990           |
| 林慧萍               | LWP  | Zoom | 4774643660           |
| Ubamos<br>MICHAEL | UM   | Zoom | 6654280358           |

| 老師姓名 | 老師簡稱 | 使用軟件           | Zoom PMI/<br>Meet ID |         |
|------|------|----------------|----------------------|---------|
| 劉寶嘉  | LPK  | Zoom           | 8866877510           |         |
| 李述強  | LSK  | Zoom           | 9531227347           |         |
| 李肇燕  | LSY  | Zoom           | 8047448550           |         |
| 李豪俊  | LHC  | Zoom           | 3728944619           |         |
| 李勵賢  | LLY  | Zoom           | 4365724477           |         |
| 李明宜  | LMY  | Zoom           | 7581584282           |         |
| 李敏基  | LMK  | Zoom           | 8845020844           |         |
| 盧美清  | LMC  | Zoom           | 2795278313           |         |
| 呂惠琮  | LWK  | Zoom           | 9493883467           |         |
| 劉潤如  | LYY  | Zoom           | 6764216190           |         |
| 馬華勇  | MB   | Zoom           | 3172008590           |         |
| 吳肇東  | NST  | Zoom           | 7044228866           |         |
| 吳絲玲  | NA   | Zoom           | 5234145388           |         |
| 岑鉅文  | SKM  | Zoom           | 5106298285           |         |
| 譚煒均  | TG   | Zoom           | 2408301753           |         |
| 鄧欣杰  | TYK  | Zoom           | 5764398574           |         |
| 曾浚淇  | TJ   | Zoom           | 9942242797           |         |
| 曾高將  | TKC  | Zoom           | 6929932056           |         |
| 謝景棠  | TKT  | Zoom           | 7809515263           |         |
| 謝曼華  | TMW  | Zoom           | 7429858671           |         |
| 董繼龍  | TKL  | Zoom           | 4012786610           |         |
| 鄧偉雄  | TWH  | Zoom           | 5775915831           |         |
| 王嘉英  | WKY  | Zoom           | 5998844291           |         |
| 楊迪欣  | YDY  | Zoom           | 8542107466           |         |
| 余傑榮  | YKW  | Zoom           | 3827602319           |         |
| 楊利華  | YLW  | Zoom           | 4571346375           |         |
| 楊施琳  | YSL  | Zoom           | 7701482689           |         |
| 余泳儀  | YWY  | Zoom           | 5274111930           |         |
| 馬敏儀  | MMY  | Google<br>meet | 2A                   | vmxgkcv |
|      |      |                | 2Cdb                 | krqbmku |
|      |      |                | 5ADb                 | mgpr6dx |
|      |      |                | 6ADd                 | f6n4ayj |